ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 70 /2012/QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 29 tháng 11 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành hệ số điều chỉnh giá đất để thu tiền sử dụng đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất vượt hạn mức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 93/2011/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 117/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 916/TTr-STNMT ngày 15/11/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quyết định này quy định về việc áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất để thu tiền sử dụng đất đối với phần diện tích vượt hạn mức sử dụng đất ở khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở (công nhận quyền sử dụng đất) đối với đất đang sử dụng, chuyển mục đích sử dụng đất đối với đất đang sử dụng không phải là đất ở sang đất ở của hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại Tiết a, Điểm

1.5 (1.5.2), Khoản 1, Điều 1 Thông tư số 93/2011/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 117/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất.

Điều 2. Hệ số điều chỉnh giá đất

Hệ số điều chỉnh giá đất được áp dụng theo địa giới hành chính của các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa đối với các loại đất như sau:

STT	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh
I	**Đất nông nghiệp**	
1	Thành phố Biên Hòa	1,20
2	Thị xã Long Khánh	1,20
3	Huyện Nhơn Trạch	1,20
4	Huyện Long Thành	1,20
5	Huyện Xuân Lộc	1,00
6	Huyện Cẩm Mỹ	1,00
7	Huyện Trảng Bom	1,20
8	Huyện Thống Nhất	1,10
9	Huyện Định Quán	1,00
10	Huyện Tân Phú	1,00
11	Huyện Vĩnh Cửu	1,10
II	**Đất ở tại nông thôn**	
1	Thành phố Biên Hòa	1,30
2	Thị xã Long Khánh	1,20

3	Huyện Nhơn Trạch	1,30
4	Huyện Long Thành	1,30
5	Huyện Xuân Lộc	1,00
6	Huyện Cẩm Mỹ	1,00
7	Huyện Trảng Bom	1,20
8	Huyện Thống Nhất	1,10
9	Huyện Định Quán	1,00
10	Huyện Tân Phú	1,00
11	Huyện Vĩnh Cửu	1,10
III	**Đất ở tại đô thị**	
1	Thành phố Biên Hòa	1,20
2	Thị xã Long Khánh	1,20
3	Huyện Long Thành	1,20
4	Huyện Xuân Lộc	1,10
5	Huyện Trảng Bom	1,20
6	Huyện Định Quán	1,10
7	Huyện Tân Phú	1,10
8	Huyện Vĩnh Cửu	1,10

Điều 3. Phương pháp xác định giá các loại đất theo hệ số điều chỉnh giá đất

Giá đất để tính thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 1 Quyết định này được xác định bằng cách lấy giá đất quy định tại bảng giá các loại đất do UBND tỉnh quy định và công bố hàng năm nhân (x) với hệ số điều chỉnh giá đất được quy định tại Điều 2 Quyết định này, cụ thể như sau:

Giá đất tính theo hệ số điều chỉnh	=	Giá đất do UBND tỉnh quy định và công bố hàng năm	x	Hệ số điều chỉnh giá đất

Điều 4. Trách nhiệm thực hiện

1. Căn cứ quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3 Quyết định này và các quy định của pháp luật liên quan, UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài chính-Kế hoạch, Chi cục Thuế phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện việc xác định và thu tiền sử dụng đất ở theo quy định tại Quyết định này;

b) Kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền đối với các trường hợp sai phạm hoặc các trường hợp khiếu nại, tố cáo có liên quan đến việc xác định và thu nộp tiền sử dụng đất ở theo quy định tại Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo xử lý.

3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh và các Sở, ban ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực sau mười (10) ngày, kể từ ngày ký.

2. Xử lý một số vấn đề phát sinh khi ban hành Quyết định này

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đã kê khai và nộp đủ hồ sơ hợp lệ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất đang sử dụng hoặc xin chuyển mục đích sử dụng đối với đất đang sử dụng không phải đất ở sang đất ở tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước ngày 01 tháng 3 năm 2011 (ngày Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ có hiệu lực thi hành) thì thu tiền sử dụng đất theo quy định của các văn bản pháp luật có hiệu lực thi hành trước ngày 01 tháng 3 năm 2011 (không áp dụng hoặc không điều chỉnh theo quy định tại Quyết định này).

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đã kê khai và nộp đủ hồ sơ hợp lệ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất đang sử dụng hoặc xin

chuyển mục đích sử dụng đối với đất đang sử dụng không phải đất ở sang đất ở tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ ngày Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ có hiệu lực thi hành đến trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất để thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa; Thủ trưởng các đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Tổng Cục thuế;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Chánh - Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu VT, TH, CNN, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Minh Phúc